

VIỆC THỜ CÚNG TỔ TIÊN

Việc Thờ cúng Tổ Tiên trong Họ được chia ra làm 3 Tôn:

1.- Những gia đình có chung Ông Bà đã khuất thì được cúng chung ở một nhà Thờ, gọi là **nhà Thờ Tiểu Tôn**, nhà Thờ này chỉ có 1 nhà.

2.- Những gia đình có chung Cha Me (Nỉ), Ông Bà (Tổ), Cồ (Tầng) Can (Cao) đã khuất thì được thờ cúng ở một nhà Thờ chung gọi là **nhà Thờ Trung Tôn**, Nhà thờ này thì có 2 nhà.

3.- Những gia đình có chung Thủy Tổ, thì con cháu trong Họ thờ cúng Tổ Tiên ở **nhà Thờ Đại Tôn**. Nhà thờ này thì có 3 nhà: **Thượng Trung, Hạ (Tam Tài)**. Trước thềm nhà thì có Tam (3) cấp để vào ra.

1.- Bàn thờ ở **nhà thờ Thượng** thì có 3 cấp, nơi đây được đặt Bài vị Văn Tổ như sau:

BÀI VỊ VĂN TỔ

Được xếp theo Khung Ngũ hành



TÀNG



TỔ



VĂN TỔ



CAO



NỈ

Bài vị là tấm thẻ được làm bằng hai nguyên liệu cơ bản đó là gỗ hoặc đồng. Chính giữa của tấm thẻ là vị trí ghi (bằng chữ Nho) tên, họ, chức tước đồng thời hai bên là vị trí dùng để ghi thông tin về ngày tháng năm sinh và ngày tháng năm mất .

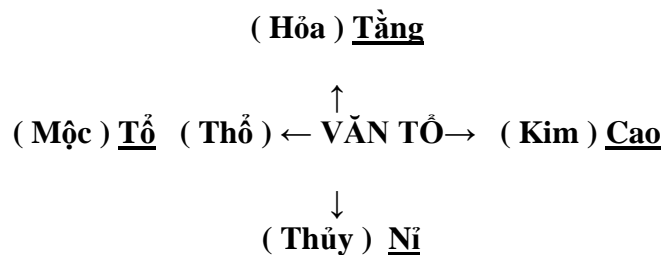
2.- **Nhà Thờ Trung** thì có Hương án trên có Nhang Đèn, Rượu , Lễ vật, nơi đây là chỗ để con cháu cúng bái.

Khi cúng thì đốt nhang cho khói bốc lên để con người (Nhân) liên hệ với Trời (Thiên), và rót Rượu xuống Đất để liên hệ với Đất, tức là để thắt chặt mối liên hệ trong Tam Tài : **Thiên-Nhân – Địa** .

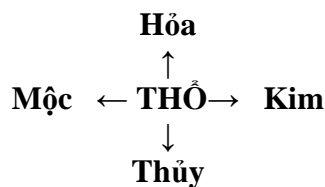
3.-**Nhà Thờ Hạ** là nơi để ăn uống sau khi cúng tế.

(**Bị chú.** Cách Thờ Cúng Tổ Tiên như trên là ở Họ chúng tôi, mà tôi đã nhớ lúc còn nhỏ ở quê.không biết các Gia tộc khác có như vậy không)

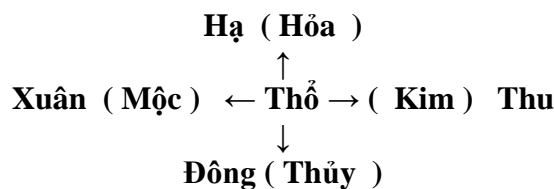
Cách xếp Bài vị Văn Tổ theo Khung Ngũ hành



Muốn hiểu rõ cách xếp Bài vị Văn Tổ, chúng ta cần hiểu Cơ cấu của Ngũ hành theo Mùa



Hình Ngũ hành



Cơ cấu của Thời gian theo 4 mùa: Xuân, Hạ, Thu, Đông.

Hình Ngũ hành liên hệ với Mùa

2

*Muôn đi từ Trước ra Sau thì theo thứ tự : Xuân → Hạ → Thu → Đông là Theo Hữu
nhậm : Theo chiều quay của Kim Đồng hồ.*

*Muôn truy từ Sau ra Trước thì theo thứ tự ngược lại: Theo Tả nhậm : ngược chiều quay
Đồng hồ: Thu → Hạ → Xuân → Đông.*

Mối liên hệ giữa Tam Tài với Thời gian:

Mùa Hạ thì Ngày dài hơn Đêm, được đại diện cho Thiên

Mùa Đông thì Ngày ngắn hơn Đêm được đại diện cho Địa

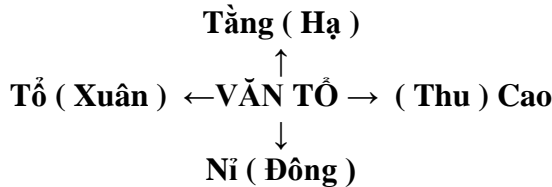
Mùa Xuân và Thu có Ngày và Đêm dài bằng nhau, đại diện cho Nhân

Khi Thờ cúng Tổ Tiên, các Họ Đại Tôn, Tổ Tiên chúng ta chọn một Năm hai kỳ vào hai mùa Xuân Thu, mùa thuộc con Người.

Trục Hoàn Xuân / Thu là trục của Nhân :con Người. Mùa Xuân là “điểm khởi đầu “ của Thời gian. Mùa Thu là đối cực của mùa Xuân Thu, nên là “ điểm cuối “.

Trục Tung “ Hạ / Đông “ là Trục Thiên Địa: Trời Đất

Vậy muôn truy về gốc Tổ, thì ta bắt đầu từ : “ điểm cuối “ mùa Thu rồi đi ngược lại theo chiều Tả nhậm mà ghi theo thứ tự : Cao (ở Thu), Tăng (ở Hạ) Tổ (ở Xuân) Nĩ (ở Đông), VĂN TỔ ở Hành Thổ.



Ý NGHĨA CỦA VĂN TỔ

“ Để thấy được ý nghĩa của Bài vị Văn Tổ là thờ Nhân tính cao sâu đến đâu thì cần phải biết hai ý nghĩa thấp hơn.

Ý nghĩa thấp nhất là tin Linh hồn Tổ Tiên về hưởng các của đơm cúng, đó là tin tưởng theo đọt **Bái vật**.

Ý nghĩa thứ hai là tỏ lòng tưởng nhớ Ông Bà biểu lộ lòng tri ân Tiên Tổ. Ý nghĩa này thuộc **luân lý** ai cũng có thể chấp nhận.

Còn **ý nghĩa thứ ba** là thờ **Nhân tính**. Đó là đọt cao nhất mà Văn hóa Việt Nho đã đạt được nhờ quan niệm về **con Người** như “**nơi quy tụ đức của Trời và Đất**” (Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức).

Nếu Trời Đất đáng thờ thì Người là nơi quy tụ Đức của Trời Đất cũng đáng thờ vậy.

Đó là ý đã trở nên cột cái cho nền Nhân chủ Việt Nho đã được biểu lộ vào khung Ngũ hành.

Triết lý Ngũ hành hệ tại mỗi hành phải móc nối được với trung cung hành Thổ mới có đủ linh ứng “

(Kim Định. Hồn Nước với Lễ Gia Tiên)

NHỮNG ÂM VANG CỦA BÀI VỊ VĂN TỔ

(Kim Định)

Lời đặt Bài vị

“ **Hồn của lễ Gia Tiên là chữ Hiếu**, nhưng nếu chỉ căn cứ vào những dạng thức cổ truyền, với những lối tế tự nhiều khi rất kèn coi, những gương Hiếu để thuộc thời phong kiến, rồi cho đó là Hồn nước thì không đủ sức chinh phục mà người trí thức thời mới có thể cho đó là truyện vu vơ; vì rằng trong **các xã hội cổ đại xưa đâu đâu cũng có việc thờ cúng Tổ Tiên**.

Đó chẳng qua là một giai đoạn trong quá trình tiến hóa của nhân loại, đâu chẳng có, cứ gì phải bên Việt Nam hay bên Viễn Đông. Cho nên đó không phải là Hồn nước, hay Dân tộc tính chi cả mà chỉ là một sự mê tín đã lỗi thời cần phải vượt qua.

Chính vì Tây Phương đã trút bỏ sớm hơn ta được mấy ngàn năm nên nay họ mới tiến bộ trong khoa học và thịnh như thế. (*)

Bài vị là miếng gỗ to quàng quyền sách, có chân đứng, trên viết tên người được thờ cúng. Đại để đó là lối trả lời có vẻ lý sự khiến cho người giữ lễ Gia Tiên đâm hoang mang: bỏ đi không cúng tế nữa thì sợ bắt Hiếu với Tổ Tiên, mà không bỏ thì làm sao theo kịp được người ta. Thành thử trong tâm trạng có một sự giao tranh ý hệ liên tục chẳng bên nào thắng bên nào: bên Tình bên Ý bên nào cũng phải cả.

Thế nhưng nếu chúng ta chịu quan sát học hỏi nghiêm túc sẽ thấy một sự khác biệt quan trọng, quan trọng đến độ khiến cho Lễ Gia Tiên của ta được duy trì cho đến ngày nay và do đó duy trì luôn nền Văn minh Viễn Đông suốt trên 50 thế kỷ, trong khi nền văn minh cổ đại La-Hy cũng như rất nhiều nền văn hóa khác đã sụp đổ kéo lùi theo cả sự thờ tổ tiên vào năm mờ đô thị cổ xưa (cité antique).

Sự tồn tại hay sụp đổ của nền văn minh là chuyện lớn lao, nó không hệ tại sự thờ Tổ Tiên, nhưng ở chỗ thờ cách nào. Và cái cách ấy nếu ta nghiên cứu kỹ sẽ thấy nó hiện hình ngay ra trong lối xếp đặt các bài vị của hai bên.

Nếu xem chúng thì tưởng như nhau, nhưng khi nghiên cứu kỹ thì thật khác nhau rất nhiều. Điều khác căn bản là bên Viễn đông có một Bài vị gọi là Văn Tổ để giữa bốn Bài vị của Cao, Tăng, Tổ, Nĩ (Nĩ là cha, khi còn sống thì gọi là phụ, khi qua đời thì gọi là khảo, khi rước vào Miếu thì gọi là Nĩ) xếp theo khung Ngũ hành, nghĩa là đặt ở bốn phương, còn trung cung dành cho Văn tổ như sau:

Lối đặt bài vị : Thủy: Nĩ, Mộc: Tổ, Thổ: Văn Tổ, Hỏa : Tăng, Kim: Cao.

Chính sự xếp đặt này nói lên một cuộc cách mạng vĩ đại đã xảy ra ở miền Việt Nho: nó biến đổi tục thờ Ông Bà theo kiểu ma thuật (tin Ông Bà về ăn của dân) để vươn lên đợt Tâm linh gọi là lễ Gia Tiên mà ý nghĩa cao nhất là thờ Nhân Tính, và chỉ ở đợt này mới có lối xếp Bài vị theo cơ cấu Ngũ hành.

Nó biểu lộ một cuộc cách mạng trong ý nghĩa, khiến cho lễ Gia Tiên tồn tại cho đến nay, và còn có thể trở nên một nghi lễ có thực chất.

Để thấy được ý nghĩa đó (thờ Nhân tính) cao sâu đến đâu thì cần phải biết hai ý nghĩa thấp hơn. Ý nghĩa thấp nhất là tin Linh hồn Tổ Tiên về hưởng các của đơm cúng, đó là tin tưởng theo đợt Bái vật.

Ý nghĩa thứ hai là tỏ lòng tưởng nhớ Ông Bà biểu lộ lòng tri ân Tiên Tổ. Ý nghĩa này thuộc luân lý ai cũng có thể chấp nhận.

Còn ý nghĩa thứ ba là thờ Nhân tính. Đó là đợt cao nhất mà Văn hóa Việt Nho đã đạt được nhờ quan niệm về con Người như “nơi quy tụ đức của Trời và Đất” (Nhân giả kỳ Thiên Địa chi Đức).

Nếu Trời Đất đáng thờ thì người là nơi quy tụ đức của Trời Đất cũng đáng thờ vậy.

Đó là ý đã trở nên cột cái cho nền Nhân chủ Việt Nho đã được biểu lộ vào khung Ngũ hành.

Triết lý ngũ hành hệ tại mỗi hành phải móc nối được với trung cung hành Thổ mới có đủ linh ứng.

Đại để đó là một lối rút ra khỏi **Đôi vật** để đặt quan trọng vào chính **Động tác**, như Kierkegaard nói: “**Không phải đôi tượng tế dâng đáng kể tới mà chính là _**” (ce n'est pas l'objet de l'adoration qui compte, mais l'acte d'adoration).

Do đó việc tế không còn là vật chất nữa. Nói theo nay không là Avoir mà là Être: không cần tin có Linh hồn, nhưng là dâng hiến với ý chí rất trịnh trọng, là điều giúp người tế **dâng tiến bước**. Theo đó thì không được cầu lợi lộc, đòi giàu có, mà chỉ là Tâm tình của người Hiếu thảo đối với Tổ Tiên như Kinh Lễ nói: “**Minh tiến chi nhi dĩ hĩ, bất cầu kỳ vi, thử hiếu tử chi Tâm dã.**” (Lễ ký XXII.2.1 X.1)”.

Trên bình diện này nếu có còn dùng ít danh từ cũ, thì nội dung cũng đã đổi, chẳng hạn chữ **Phúc**, tuy cầu phúc nhưng không theo nghĩa thế tục nữa, mà **phải hiểu phúc là sự trọn hảo của người tế**. “**Hiền giả chi tế dã, tất thụ kỳ phúc, phi thế sở vị phúc dã, phúc dã bị dã. Bị giả bách thuận chi danh dã, nội tận ư kỳ, ngoại thuận ư đạo dã**“, (Lễ ký XXII.2.X.2”).

Hiền nhân khi tế tất có được **Phúc**, nhưng không phải Phúc như thế thường hiểu, mà hiểu là **Tận hảo (bị)**, tận hảo là **Bách thuận**: trong là **tận kỹ** (tức phát triển hết cỡ Nhân tính nơi mình), ngoài là **thuận với Đạo** (tức Đạo Hiếu).

Nhờ cuộc “**Cách mạng Văn hóa**” nọ, mà bài vị Văn Tổ là tang chứng cụ thể thì từ đó lễ Gia Tiên đã **bỏ bình diện có hay không cũng như lợi lộc với vái cầu thuộc Bái vật để trở thành “An hành” tức là vô cầu hay “an cầu”, tức chỉ còn nhằm **Thiện-Mỹ hóa chính người Tế**.**

Nói theo Tuân Tử, lễ Gia Tiên trở thành nghi lễ Văn sức cái Tình người, nghĩa là vừa tiết chế vừa hàm súc Tâm tình cho thâm hậu.

Như vậy là đi từ ngoài vào trong, từ tha Thể (Linh hồn tiên tổ) đến chính Bản thân người tế.

Ở chỗ này Phùng Hữu Lan nhìn thấy khá sâu sắc như sau: “**Tâm chúng ta có hai mặt là Tình cảm và Lý trí**. Giả như người thân chúng ta chết, theo quan điểm lý trí của chúng ta mà xét thì người chết không thể sống lại, mà thuyết Linh hồn kể tục tồn tại không thể chứng minh, khó lòng tin được, nhưng ình cảm của chúng ta lại rất mong cho người chết sống lại, Linh hồn của người chết kể tục tồn tại. Nếu chúng ta chỉ chuyên theo lý trí thì đối với người đã chết chúng ta đã có thể theo thuyết nói trong thiên Dương châu ở sách Liệt tử: “**Đốt cũng được, ngâm nước cũng được, chôn cũng được, để bộc lộ cũng được, bó lại mà lối xuống khe vực cũng được**”. **Nếu theo thuần lý trí thì những lễ tiết trong việc đưa người chết đều là vô nghĩa cả**. Các tôn giáo ở đời đều cho những tưởng tượng hợp với tình cảm người ta là chân thật và phủ nhận sự phán đoán của lý trí. “**Chúng ta nếu đối với người chết mà thuần theo lý trí thì tình cảm sẽ thấy không yên, nếu chuyên theo Tình cảm thì sẽ đắm chìm trong mê tín có hại cho sự tiến bộ**.”

Điều mà Tuân Tử và Lễ Ký dạy chúng ta đối với người chết là chiết trung lấy cả Lý trí lẫn Tình cảm.

Cứ lý luận của Tuân Tử và Lễ Ký thì tang lễ, tế lễ là thơ và nghệ thuật chứ không phải tôn giáo nữa. “Gần đây có ông George Santayana chủ trương tôn giáo nên bỏ bớt những điều mê tín, độc đoán để có thể sánh với thơ. Tuân Tử và Lễ Ký làm được điều đó bằng cách ủng hộ tang lễ và giải thích tang lễ, đã biết đem tôn giáo xưa mà tu chỉnh thành thơ. Tang lễ của thời xưa là nghi thức tôn giáo, trong đó bao hàm rất nhiều độc đoán và mê tín. Tuân Tử và Lễ Ký “lấy sự thuật lại làm phương tiện sáng tác”, gạn lọc và thêm ý nghĩa mới, khiến cho tôn giáo mà biến thành thơ. **“Thời xưa người ta tin linh hồn còn kể tục tồn tại có thể dùng đồ ăn thức dụng... nên sắm những thứ đó cho người chết và gọi là Minh Khí. Đến đời Khổng Tử theo lối “dĩ thuật nhi tác” tuy cũng truyền lại các thứ Minh Khí đó, nhưng đã mặc cho chúng một ý nghĩa mới. Lễ ký chép lời Khổng Tử rằng: nói chết là chết hẳn, bất nhân mà không thể làm như vậy. Nói chết mà sống lại (để vẫn dùng đồ đạc và cả con ăn đầy tớ, nên giết người sống để chôn theo người chết) là bất trí không thể làm vậy.** “Về việc sau khi chôn, để tang ba năm, Lễ ký nói: **“Phàm sinh giữa khoảng trời đất, loài có huyết khí tất có biết. Loài có biết, chẳng loài nào mà không yêu đồng loại.** Nay lớn như chim thú, mất lứa lạc bầy, trải qua ngày tháng, khi qua chỗ cũ bay lượn kêu gào, nhảy nhót trờ trờ rồi sau mới bỏ đi. Trong loài có huyết khí chẳng gì hiểu biết hơn người, cho nên người đối với người thân, đến chết không cùng. Như kẻ tà tâm người thân sớm chết, tối đã quên rồi. Nếu theo thế thì còn thua cảm thú nữa, làm sao có thể ở chung mà không loạn? Nếu thế ta lại theo lối quân tử để tang 25 tháng rồi tới 3 năm còn chưa cho là đủ, còn cho như bóng ngựa qua khe cửa, nếu muốn cho toại nguyện thì vô cùng, nên cũng không được. Vì thế tiên vương tiết chế một cách vừa phải, khiến cho đủ thành văn lý thì thôi”. “Những điều dẫn trên đây đều theo phương diện tình cảm chủ quan mà lập luận, bởi vì chủ ý của tang lễ chỉ là để an ủi tình cảm mà thôi. **“Tuân Tử tổng luận về tang lễ rằng: Lễ dạy về việc đối xử với sống với chết. Sinh là bắt đầu của con người, chết là rốt cuộc của con người. Bắt đầu cũng như rốt cuộc đều thiện thì đạo người xong xuôi. Cho nên quân tử kính lúc bắt đầu và cẩn thận lúc rốt cuộc. Làm cho bắt đầu và rốt cuộc như nhau đó là đạo của người quân tử, là văn vẻ của lễ nghĩa; hậu hĩ với người sống, bạc bẽo với người chết. Thế là kính người lúc biết, mà khinh người lúc không biết vậy... Cái đạo chết là thế này: một khi đã đi thì không thể lại được. Bề tôi sở dĩ trung với vua, con sở dĩ hiếu với cha mẹ đến đây là hết... Tang lễ là để cho người sống trang điểm cho người chết. Tiễn đưa người chết như khi còn sống, người khuất bóng như khi còn hiện diện. Bắt đầu và rốt cuộc như một vậy.**

Cho nên tang lễ không có ý gì khác hơn là để tỏ cái nghĩa sống chết. “Phụng sự người sống là tô điểm cho cái bắt đầu, phụng sự người chết là tô điểm cho sự chấm dứt.

Bắt đầu, chấm dứt đủ, đạo người con Hiếu xong xuôi, đạo của thánh nhân đầy đủ. Đẽo người chết để phục vụ cho người sống là kiểu Mặc Dịch. Đẽo người sống mà thêm cho người chết là dị đoan. Giết người sống mà gửi xuống người chết là tặc... **Khiến cho sống chết, bắt đầu,**

rốt cuộc, chẳng gì là chẳng vừa phải, tốt đẹp, ấy là pháp thức của lễ nghĩa Nho gia là như thế đấy. (thiên Lễ luận) **“Ngoài thì tận vật, trong thì tận chí, đó là cái lòng khi tế vậy.**

Thế tức là chuyên trọng tế tự mà không trọng đối tượng của tế tự.” (Trung Quốc triết học sử của Phùng Hữu Lan, bản dịch của Nguyễn Hữu Ai, trg 247-250, có sửa đổi những chỗ dịch tối) Sở dĩ chúng tôi trung một đoạn dài của **Phùng Hữu Lan** vì ông là người vô thần như ý kiến của ông về tôn giáo chúng tôi điều đó; thế mà ông cũng chấp nhận việc thờ cúng Tổ Tiên thì điều đó chúng tôi **việc thờ Tổ Tiên đã thoát ra khỏi phạm vi ý hệ**, trở thành một nhân tố giàn hòa giữa các niềm tin tưởng. Điểm này càng nổi bật khi ta nghĩ đến việc **tòa thánh Vatican** đã cho phép tín hữu tân tông bên Tàu (vào lối 1939) và mới đây ở cả nước ta được phép duy trì việc thờ cúng Tổ Tiên vì coi đó chỉ là một lối tỏ lòng hiếu thảo. Việc cho phép đó là kết quả của một cuộc tranh luận kéo dài trên hai thế kỷ giữa hai phe thừa sai, một bên chủ trương cho phép duy trì, một bên cho là không nên vì có sự mê tín dị đoan. Đại để các thừa sai ý cứ vào kinh điển như Dòng Tên thì chủ trương nên vì không có chi nghịch với tín điều; ngược lại với nhóm thừa sai quan sát sự thờ cúng nơi đại chúng thì cho là không nên. Thực ra cả hai bên cùng có lý do vì **lễ Gia Tiên có cả hai yếu tố: yếu tố bái vật dị đoan nơi dân chúng cũng như yếu tố Tâm lý nơi Nho gia.** Nhưng phân biệt ra được là điều rất khó khăn, vì trong thực tế hai yếu tố vẫn dễ lẫn lộn, bởi sự phân biệt tùy trình độ tiến triển Tâm thức của từng cá nhân mà thôi. Ngày nay tòa thánh cho phép là chấp nhận lối hiếu tâm lý nghệ thuật. Và như thế chúng ta thấy quả thực **lễ Gia Tiên đã tránh được vấn đề cam go giữa Hữu với Vô, đến nỗi ngày nay còn là miếng đất mà hai phe vô Thần với hữu Thần tạm đứng chung được.**

Cho nên quả nhiên lễ Gia Tiên cải tổ chỉ còn là một tác động thuần túy tinh rỗng không cần đối tượng; muốn hướng vào đối tượng hay không cũng đều được, đó là quyền tư riêng của mỗi người, mỗi tôn giáo hay vô tôn giáo. Đây là sự thực có tính cách quan trọng được đưa vào lễ Gia Tiên do cuộc cải tiến ghi trong hai chữ Văn Tổ mà chúng ta cần khai thác triệt để hầu làm nền móng cho nền tổng hợp mới vì khả năng giàn hòa rất thâm hậu của động tác tinh tuyền coi đối tượng là tùy phụ nên không câu chấp. Đó là then chốt “Triết lý an vị”.

Do đó mà có thể bảo tồn hình thức cũ, nhưng cho chớ một ý nghĩa mới, khai thông cho sự tiến triển của Tâm thức con người, thành ra tư tưởng vẫn tiến bộ, mà người trong nước không bị phân ra hai chiến tuyến chống đối nhau. Trái lại lễ Gia Tiên đã trở thành một thứ ximăng tinh thần có khả năng gắn bó người trong nước lại một khối nhất trí không còn kẽ hở. Đó là hậu quả xã hội mà chúng ta cần lưu ý.

Xã hội và chính trị

Việc thờ Tổ Tiên theo kiểu xưa đặt ra một khó khăn thuộc xã hội chính trị như sau: đó là **phái quyền quý giữ riêng cho mình đặc ân thờ tổ tiên, vì theo họ chỉ có Tổ Tiên họ mới**

đáng thờ, bởi thuộc dòng máu thần linh, còn thứ dân và nô lệ là dòng máu hèn, không đáng thờ cúng.

Vì đó mà xưa kia bên La-Hy cũng như bên Trung Hoa cổ đại chỉ hàng quý tộc mới có quyền thờ cúng Tổ Tiên. Điều này rất quan trọng vì **có quyền cúng tế Tổ Tiên tức cũng là có quyền làm công dân với các quyền lợi theo sau như hưởng đất, mua sắm, đi học, làm quan ...** vì thế nên phái quyền quý không chịu mở rộng việc tế gia tiên. Số người được cúng chỉ suýt soát là 20%. Tuy chỉ chiếm một tỉ lệ nhỏ nhưng nhờ vào sự ăn học, sự khôn khéo của họ cũng như trình độ vô học của đại chúng mà họ nắm được quyền điều khiển trong nước. Nhưng đến một lúc nào đó khi tâm thức con người đã được khai mở đủ thì dân chúng dần dần nhận chân ra **sức mạnh của mình, cũng như những đặc ân của phái quyền quý chỉ là dựa trên những lý lẽ huyền hoặc.** Đã thế, giới cai trị lại bị yếu dần do sự phân tán vì ý hệ giằng co giữa Hữu và Vô, nên sự nhất trí yếu đi và dần dần ảnh hưởng lan sang phạm vi xã hội như Egypte, Babylon, Assyrie, Mésopotamie, Sumérie, Khmer... tất cả đều có sự thờ Tổ Tiên, nhưng luôn kèm theo **sự phân chia ra gia cấp thống trị và đại chúng nô lệ,** nên tất cả đã sụp đổ theo sự diễn tiến mà sử gia **Toynbee** phác họa như sau: **Khi đến một khúc quanh của lịch sử thì các nền văn minh đều gặp hiện tượng mới xuất hiện như một thách đố (Toynbee gọi là challenge). Nếu lúc đó có một tâm hồn sáng suốt tìm ra một giải đáp giúp cho nền văn minh lướt qua được mâu thuẫn đi kèm thách đố nói trên thì sẽ có biến hóa (évolution) nhờ đó văn minh sẽ sống mãi; nếu không thì có cuộc cách mạng, (révolution) và lúc đó một nền văn minh khác sẽ sinh ra.**

Xuyên qua sáu ngàn năm lịch sử kiểm chứng được, thì tất cả hơn hai mươi nền văn minh đều đã sụp đổ (Ấn Độ chỉ có một phần đứng vững), còn lại có nền văn minh Viễn Đông là duy nhất tồn tại, như **giáo sư Creel** nhận xét trong cuốn *La Naissance de la Chine*, trg.315.

Vì không có cách mạng (révolution) nên lễ Gia Tiên vẫn còn, nhưng đã biến hóa (évolution), nghĩa là đổi nền tảng: thay vì đặt ở sự tin có Linh hồn tồn tại vẫn gắn liền với huyết thống, thì đặt sang nền mới là Văn Tổ (Ancêtre parfait) với ý nghĩa là **văn sức Tinh người bất cứ ai như đã nói trên.**

Như vậy hễ ai là người thì đương nhiên có đủ quyền đứng ra Tế Gia Tiên. Vì nhờ quan niệm rất rộng đó nên ai cũng như ai, đều có quyền làm người, bất cứ gia đình nào bất cứ cũng có quyền lập bàn thờ Tổ Tiên. Lễ gia tiên từ đây hết còn là đặc ân dành riêng cho quý phái như xưa, nhưng mở rộng cho khắp mọi tầng lớp với các quyền lợi đi kèm theo như quyền được đặt tên tự, và do đó quyền được hưởng công điền, quyền được đi học, đi thi làm quan...

Chúng ta nhận ra tầm mức quan trọng của một chữ Văn trong bài vị Văn Tổ. Chính cái ý tưởng nền móng đó đã chở theo nguyên lý để giải quyết vấn đề rất nhiều khê là Có với Không vì nó đã dẫn sự phân chia Giai cấp thành Quý tộc và Nô lệ.

Như thế vấn đề đã được giải quyết trên bình diện triết lý và thể chế.

Nếu trong thực tế còn gặp những vụ phân chia giữa Chủ nô thì đó chỉ là những trường hợp lẻ tẻ, cá nhân, và thường là vì lý do kinh tế hoặc chính trị, chứ không phải vì lý do Triết lý hay Tôn giáo. Ngược lại các nền văn hóa khác vì thiếu cuộc cách mạng mà hậu quả là chiếc bài vị Văn Tổ, nên đẳng cấp vẫn còn tồn tại với sự phân ranh Chủ Nô cùng với các đặc ân khác cho mãi tới thế kỷ 19, và nay tuy chế độ nô lệ không còn nhưng đó là do thúc bách bên ngoài thuộc kinh tế chính trị mà chưa tìm ra nền nền móng Triết lý, nên sự xóa bỏ cũng kéo theo rất nhiều đau thương như nạn Kỳ thị chủng tộc. **Vì lẽ Gia Tiên đã bị tiêu diệt, nhưng nền Văn minh mới chưa đưa ra được một nền tảng khác nên vẫn mặc nhiên tiếp tục chính trị phân chia giai cấp với các sự chênh lệch bất công.**

Chính phần lớn tại thiếu nền tảng đó mà Hi Lạp đã lâm vào nội chiến giữa Parte với Athènes nên tự tiêu diệt, cũng như **đế quốc Roma sụp đổ** thì lý do sâu xa chính vì nó vậy. Lý do là vì **những người nô lệ chiếm đến 70%, 80% trong nước, thế mà họ không được coi như người, không có tổ quốc. Khác xa với người Việt Nam ra trận đánh đuổi quân xâm lăng là cốt để bảo vệ xã tắc của mình, bảo vệ phần ruộng đất của mình, của Tổ Tiên mình, thắm nhuần không những xương máu mà cả Linh hồn Tiên Tổ.**

Theo quan niệm Viễn Đông thì dưới đất còn nhiều chất thiêng hơn cả ở trên (Mus 131). Vì thế mà với người Việt Nam vong quốc có một tầm quan trọng rất sâu xa bằng với vong Bản nghĩa là quên luôn **gốc Người, mà gốc Người là Thiên Địa chi đức, mà nếu hiểu một cách cụ thể thì Thiên chi đức biểu thị bằng Tự do, còn Địa chi đức biểu thị bằng Bình sản tức một mảnh đất làng cấp cho mình.** Vậy tổ quốc Việt đã được xây trên hai cột trụ đó tức là mọi người đều được Tự do (không có chế độ nô lệ) cũng như mọi người đều được tham dự vào Tài sản trong nước.

Vì **vậy với người Việt Nam thì Gốc Nước với Gốc Người là một:** hễ quên gốc Nước thì cũng là quên gốc Người (gọi là **vong thân**). Đó là ơn ích lớn lao mà ít nơi con người được hưởng. Thí dụ người La Hy hay Ấn Độ nếu muốn tránh vong bản (còn gọi là vong Thân) thì bó buộc phải Vong quốc vì nước họ xây trên chế độ Chủ Nô, mà **đã là Nô lệ thì đương nhiên là phải vong Thân** vì đó mà có tai họa là **muốn thành thân thì phải vong quốc.** Người Việt Nam không bị tai họa đó. Bởi đây có những câu gây âm vang lạ lùng trong tâm thức người Viễn Đông như **“an thổ, đôn hồ nhân, cố năng ái”**. Vì chữ An Thổ bao gồm cả Thổ địa vật chất lẫn Tâm tình truyền dòng nói dối lên cho tới Văn Tổ, rồi từ đó tỏa ra **mối tình yêu chân thành xuống tứ hải giai huynh đệ.** Đó là một cái may mắn mà Văn hóa Tây Âu không có được ở đợt căn bản, là vì đã “không xảy ra một cuộc cách mạng đặt ra Bài vị thứ năm là Văn Tổ” nên vẫn kéo dài cái Văn hóa vong Thân. Vì thế **ngày nay nếu muốn tránh nạn vong Thân thì nhiều người bó buộc phải “vong Quốc”** theo nghĩa từ bỏ cái gốc của nền văn hóa cổ điển như vô sản Âu Châu hiện đang làm với thuyết tam vô. Vì nền Văn hóa của Tây Âu kéo theo sự chênh lệch kinh tế, kéo theo sự làm khô héo tình người, khó lòng gây được sự yêu thương chân thực. Đó là việc tế vi khó được truy nhận,

nhất là nó rất phiền tạp, nhưng sự thực là thế, nên văn hóa Tây Âu đang trải qua một cơn khủng hoảng tự nền móng, và có tính cách bi đát. Bởi một bên nền văn hóa đã có quá lâu đời (trên hai ba chục thế kỷ) đã trở thành “dân tộc tính”, nhưng chẳng may nó lại đặt trên nền tảng vong Thân. Thế mà vong thân nặng hơn vong quốc trăm ngàn lần vì quốc gia dấu sao có thể còn là thuộc địa dư, là cái gì bên ngoài, luôn luôn chuyển hóa đổi thay. Chí như vong thân là cái gì thiết đến tận cốt tuỷ của con người, mà sứ mạng cũng như cứu cánh của mỗi con người là phải “tận kỳ tính”: sống cho đến cùng cực tất cả chiều rộng và chiều sâu của cái tính Bản nhiên con Người.

Cho nên một nước có nền Văn hóa Nhân bản tinh tuyền thì đây là một ân huệ quý giá muôn vàn, khiến cho giới trí thức cũng như văn nghệ sĩ chỉ việc theo chiều hướng Dân tộc, thì chắc chắn sẽ gặp hồn con Người muôn thưở, và tác phẩm của họ sẽ có khả năng làm rung động Tình tự con người dưới bất cứ chân trời nào... Đó chính là cái may mắn cho nước ta, nơi sự thờ cúng Tổ Tiên chính là khởi điểm dẫn đến tình Huynh Đệ phổ biến.

Chính trị Văn hóa: Tình huynh đệ phổ biến!

Đó là lý tưởng mà nhân loại đang cố đạt tới.

Xét về không gian, các phương diện giao thông đã thành công, đặt con người lại bên cạnh nhau, nghe cả tiếng nói, xem cả dáng hình điệu bộ, dầu là cách nhau vạn dặm. Nhưng đứng về mặt tinh thần thì tình Huynh Đệ phổ biến mới là lý tưởng, phần lớn còn trong mộng, chưa có một mối tình nhân hậu chân thực.

Xét tới cùng cực thì căn do tại Triết lý chưa tìm được nền móng cho mối tình kia, thành thử nó chỉ là đối tượng của thi ca, của văn nghệ, của mộng ước, của khát vọng. Nhưng bấy nhiêu chưa là căn để, nên vẫn không có hiệu lực bền vững chân thành. Đây là tại chưa tìm ra Văn Tổ theo nghĩa uyên nguyên là Tổ tông của muôn vật, hướng chi là của muôn Người, suối nguồn của nghị lực.

Thành ra lời đẹp có dư mà nghị lực thì nghèo khổ. Lý do là tại người ta vẫn dừng lại ở **đot tâm lý bộ lạc**. Mà vì mỗi bộ lạc thờ một Tổ Tiên riêng, nên chỉ có mở rộng nước bằng tiêu diệt bộ lạc khác, rồi chiếm đoạt đất đai. Chưa có một nền móng lý thuyết cho sự thống nhất nhiều bộ lạc thành quốc gia, nên bộ lạc thắng chỉ có tiêu diệt bộ lạc thua, hoặc bắt làm nô lệ, mà không coi là huynh đệ.

Âu Châu tuy vài thế kỷ sau rất tiến bộ trong văn minh đã thành quốc gia từ thế kỷ 17,18 nhưng về đàng Văn hóa thì vẫn tiếp tục triết học tiền Văn Tổ, có tiến cũng chỉ vượt không xa mấy tâm lý bộ lạc (psychologie tribale), nên thể chế tuy đã tới quốc gia nhưng tâm lý còn vẫn vương bộ lạc, nên quốc gia dễ đổ ra chủ nghĩa quốc gia bài

ngoại (chauvinisme), chính nó đã là căn do sâu xa gây nên hai cuộc thế chiến làm suy yếu Châu Âu. Còn đối ngoại với các dân tiểu nhược là óc kỳ thị chủng tộc được cổ súy và võ trang

Hình thức khoa học nhất là **thuyết bất bình đẳng trong các chủng tộc** do Gobineau nghĩ ra được Nietzsche đưa vào triết học và **được Đức quốc xã thi hành**. Chính nó đã là một trong các động cơ đẩy việc Thực dân trở thành **chủ nghĩa thực dân của Châu Âu** trong mấy thế kỷ trước. Thực dân là một lối mở mang bờ cõi, di dân lập nghiệp thì đâu cũng có.

Nước ta cũng có sự kiện thực dân, nhưng không phải là một chủ nghĩa thực dân. Để thành chủ nghĩa phải có một sự kỳ thị chủng tộc y cứ trên Huyết thống mà không trên trình độ Văn hóa.

Xét về phương diện này người Pháp tốt, nếu không nhất thì cũng vào hạng nhất. Do đó có một số người Pháp hiểu được giá trị Văn minh Việt Nam. Nhưng nói chung **phần đông thực dân Pháp vẫn còn mang nặng tâm lý bộ lạc** nên khinh miệt người Đông Dương. Từ những lời nói bĩ báng như cho rằng **Thiên Chúa dựng nên người Việt Nam với chút đất dùng làm giống vật**, còn dư vất đi không đành nên nặn ra người Annam (Mus 206). Qua những truyện một bà Việt Nam vào phố Catinat mua hàng được trả lời: **“Tao không đến đây để phụng sự những đứa nhà quê”** (je ne suis pas venu ici pur servir des nhà quê” (Mus 222). Việc này xảy ra lối 1946. Tuy đó chỉ là những trường hợp quá đáng mà nhắc lại có thể là điều kiện không cần nhưng không may sự khinh miệt giống nòi đó lại đâm rễ sâu vào đầu óc một số khá đông trí thức cũng. Vì vậy cần phải được nhắc đến. **Cái tâm trạng miệt thị người Việt đó là một tâm trạng chung của người Pháp đối với nước ta, cho là chỉ có một mối lo âu duy nhất là bát cơm.** Chính sự hiểu lầm đó đã là lý do cho sự thảm bại của họ trong mười năm tái chiếm Đông Dương từ 1945-1955. Ngay trước đó thế giới đã chuyển mạnh vào giai đoạn nhả thuộc địa mà người Pháp còn quyết tâm tái chiếm thuộc địa bằng danh hiệu Liên hiệp Pháp, theo đó tuy các nước nằm trong liên hiệp được nhiều quyền tự trị hơn trước, nhưng **Việt Nam mất nước vì bị chia ba “kỳ”, bộ trưởng mỗi “kỳ” phải chịu trách nhiệm thẳng với toàn quyền. Liên hiệp Đông Dương lúc ấy có lối chừng 25 triệu dân thì người Việt Nam đã chiếm hơn 20 triệu, còn Miên và Lào hai xứ ngót 5 triệu, thế mà người Pháp chặt ra ba nhét vào liên hiệp, bất chấp nguyện vọng độc lập và thống nhất của cả một dân tộc thì đó là kỳ thị rõ rệt.**

Khi ông P.Mus đưa đề nghị đến với Hồ Chí Minh thì ông này hỏi: “Liên hiệp là cái chi, vương hay tròn vậy!”. Khi ông Mus kể lại lời đó, một nhà trí thức Việt Nam bình luận: nó tròn, làm bằng da có khoen lỗ và đeo bằng đồng đề câu sau: Ai bắt được đất lại phố Paris sẽ có thưởng... Nhắc sơ qua như thế đã đủ để nhận ra **sự khác biệt giữa kỳ thị Huyết thống và kỳ thị Văn hóa. Người Tàu kỳ thị Di dịch hoàn toàn vì trình độ Văn hóa chứ không vì huyết thống. Cũng như một số người Việt kỳ thị dân Thượng cũng thế, cho là kém Văn hóa thôi.**

Hai quan niệm khác nhau cả một trời một vực. Người Việt Nam thi đậu có thể sang làm quan bên Tàu không sao. Một số Thiên tử gương mẫu của Tàu xuất thân từ Di địch: vua Thuần thuộc Đông Di, Văn Vương Tây Di. Đó là sự kiện minh chứng cho những câu sách như của Xuân Thu Công Dương truyện “Di địch tiến lên được chức tước của triều đình và Trung quốc cũng là Di Địch nay mới thành Trung quốc”: Di địch tiến Chi vi tước. Trung quốc diệt tân Di địch.” (Tả truyện Chiêu Công thập tam niên). Tất cả những điều đó bắt nguồn từ **Triết lý Văn Tổ là nền triết đã xóa bỏ óc kỳ thị chủng tộc từ gốc rễ để coi tứ hải giai Huynh Đệ**. Tứ hải được tiêu **biểu bằng bốn bài vị: Nĩ, Tổ, Tăng, Cao**.

Cũng như cả bốn đều phát xuất từ Văn Tổ cũng là Thái Tổ tức là Thiên Địa làm Tổ khắp hết mọi người trong mỗi tình huynh đệ phổ biến mà không một ai bị gầy ra ngoài làm Nô lệ kiểu văn minh La-Hy hoặc M’leecha của An Độ nữa. Nền Huynh Đệ đó bên Âu Châu tuy có nhưng mới trong hình thức Tôn giáo, mà chưa có trong Triết lý. Vì thế mà Cộng sản tự hào là đã phát khởi xướng lên, nên tự phụ là tiến bộ xa nhất, là điểm cao trí tuệ loài người. Về điểm này ông P.Mus có kể lại lúc mới tới Sài Gòn năm 1945 khi tướng Leclerc hỏi cảm tưởng của nhóm người Pháp theo cộng sản ở đây về những người cộng sản Annam thì nhận được câu trả lời này: “Ở đây không có cộng sản Pháp hay Việt, mà chỉ có một đảng Cộng sản và hiện đây chúng tôi đang ở tại Đông Dương”. Điều đó có thực. “Nguyễn Ai Quốc xưa khi còn bên Pháp cũng có thể cầm đầu phái đoàn cộng sản Pháp. Khi đã tẩy hết thượng tầng tư bản, quân phiệt, thì chủ nghĩa cộng sản có thể trả về cho người sở tại được quyền sử dụng đất đai của họ”. P.Mus bình luận đó là một phương thức chắc sẽ gây âm vang mạnh mẽ trong những xứ đã được hun đúc trong quan niệm “bình thiên hạ” tức là kiểu Quốc tế xưa. Nền Thái Bình đó không phát xuất do sự thống trị của một xứ này hay một đế quốc kia, nhưng do một quan niệm phổ biến về lối sống bao dung khắp hết, mà hễ ai theo thì đều có một địa vị, một tổ quốc trong cái thiên hạ chung đó: người Mông cổ có quê hương Mông cổ, người Việt có quê hương Việt. Theo đó thì hệ thống Cộng sản vừa tới quá muộn màng lại chưa tồn tại lâu đủ để kiện chứng giá trị của lý thuyết, mà chính ngay lý thuyết đã tỏ ra những nhược điểm trầm trọng trong **những chữ như Đại Đồng. Chữ Đồng** nói lên **tính cách vật chất, ích dụng rỗng**, thiếu hẳn yếu tố Tâm linh, nên còn duy trì tràn ngập giai cấp ngay trong giới cán bộ. Chỉ như **chữ Thiên hạ** của Viễn đông thì **bao hàm yếu tố Tâm linh** nên không có sự kỳ thị phân biệt nào. Nếu trong thực tế ý niệm của người Tàu xưa không đi xa quá nước Tàu thì đó là một sự kiện do chưa biết xa hơn, y như tiếng Orbi (thế giới) của Tây âu lúc ấy chưa vượt quá Địa Trung Hải vậy, nhưng trong chủ trương thì không có mốc giới nào hết. Tình huynh đệ không đặt điều kiện nào làm hẹp lại. Ngay đến việc triều cống cũng đã là sa đọa, chính là triều sính nghĩa là khi chư hầu triều sính thiên triều một, thì thiên triều cho lại chư hầu nhiều hơn (Trung Dung. 20) “**Triều sính dĩ thì, hậu vãng nhi bạc lai**”: triều sính đúng lúc, đưa đến ít cho lại nhiều. Tóm lại bài vị Văn tổ hàm ngụ một nền triết lý có nội dung chân thực được kiện chứng nhiều lần trong lịch sử: nước Tàu, nơi có những triều đại ngoại bang như Mông cổ, Mãn châu... Nhiều học giả đời nay cho như thế là điểm yếu của chính trị Nho giáo, vì chịu cho ngoại bang đè đầu cưỡi cổ. Nói thế là mới nói có đoạn “chịu đấm” mà chưa kể tới đoạn “ăn xôi”. Vì nếu nhìn rộng ra cả về thời gian, cả về mặt

thống nhất nhân loại thì lợi rõ rệt. Về đảng chính trị mỗi lần bị một triều đại ngoại quốc cai trị là mỗi lần Trung Quốc mở rộng thêm bờ cõi, sau triều đại Mông cổ thì bao gồm thêm xứ Mông cổ, sau triều đại Mãn châu thì bao gồm thêm Mãn châu. Cho nên xét ra thì Mông Mãn thiệt mà chính Tàu mới là người được cuộc. Nhưng nếu xét rộng nữa về phương diện nhân loại thì không nên nói người Tàu được người Mông Mãn mất, có mất chi đâu, chẳng qua góp chung đất lại làm một liên hiệp quốc và sau một giai đoạn bất tề thì tiếp đến giai đoạn bình đẳng trước pháp luật như nhau, không còn phân biệt kỳ thị chi nữa. Cho nên không nên bắt chước vua Sở nói người nước Sở mất cung thì nước Sở lại được, mất đi đâu mà phải tìm. Nói thế là còn hẹp, phải nói người mất cung thì người lại được mới đủ rộng, và lúc ấy không phải người Mông người Mãn mất và người Tàu được, nhưng đó chỉ là bước đường vươn tới thống nhất thế giới bao gồm cả mặt ngoài cũng như mặt trong vậy, hơn hẳn lối đại đồng của Macxit về lý thuyết lẫn hậu quả lâu dài. Đó chính là hậu quả triết lý Văn Tổ cùng một nền với lối sắp đặt Ngũ hành. Tuy trong thực tế ít ai để ý tới, nhưng vì nó đã được đúc kết lối khác gọn hơn, đó là **hai chữ Trung Thứ. Chữ Trung thay Văn Tổ, chữ Thứ thay cho Cao, Tăng, Tổ, Ni là đầu của tứ hải: Đông Tây Nam Bắc một nhà.** Muốn được như thế thì cần phải Trung, nghĩa là phải thành tín trung thực được với nội Ngã của mình. **Khi Tính của mình đã trọn, thì cũng trọn được Tính của tha nhân hết thảy, cho nên coi nhân loại như anh em một nhà, mới đem những tiếng xưng hô trong gia đình “cha, mẹ, anh em, ông bà, cô chú...” mở rộng ra xưng hô với mọi người, coi nhau như cùng một Tổ: “đồng bào”, cùng một bào thai.** Đó là một trong những phương thức thực thi triết lý “Trung Thứ” mà Mạnh Tử sẽ nói: **“Tôi yêu cha tôi để tôi yêu cha của mọi người, tôi yêu con tôi để rồi mở rộng ra tới con của mọi người (*)”** (Mạnh I. 6).

Tự tề gia qua trị quốc cho tới bình thiên hạ một mạch đi ra mà chân không bị vướng vào một loại kỳ thị chi hết, là nhờ đã vào tới Văn Tổ, tức là bản tính chung của con người, nên bao dung khắp hết, khác xiết bao với các thuyết một chiều đầy kỳ thị, như cộng sản bị ràng buộc trong những giới hạn chật hẹp của đảng. “Lão ngô lão dĩ cập nhơn chi lão, ấu ngô ấu dĩ cập nhơn chi ấu, thiên hạ khả vận ư chương” Đó là đại khái mấy chân lý ẩn tàng sau lối xếp đặt bài vị trong việc thờ cúng Tổ Tiên bên Viễn Đông. Tuy lâu đời không còn nhận ra thâm ý, nhưng cái triết lý đã được truyền bá rộng đến độ trở thành một nhân tố của Hồn nước. Chính cái Hồn đó đã ràng buộc lấy đoàn người Lạc Việt từ ngày lập quốc, trải qua bao giai đoạn thịnh suy, vinh nhục, cho tới thời đại này thì Hồn nước mới bị bắt đem đi, và từ đó người dân xem vào nước chẳng còn thấy Hồn đâu nữa.

Kẻ sĩ dần dần bị thay bằng các đọt Trí thức. Thế là hết người thêm dầu cho ngọn đuốc thiêng. Lửa không thêm dầu, thêm củi thì tắt dần, Hồn còn được ai nuôi dưỡng nữa đâu mà chẳng thoi thóp và thở hắt ra như cái vĩa, cái phách, cái cô Hồn.

Khi Khải Định trao Bảo Đại cho thực dân đem về Pháp đào tạo đã nói: đây là đứa con của tôi, mai sau sẽ kế nghiệp tôi mà cầm giềng mối nước tôi. Xin nhờ các ông đào tạo cho nó sao thì chúng tôi được nhờ thế. Đó là câu nói của kẻ thua trận không thể làm khác được nữa. Cho nên câu nói đại loại kiểu đó cũng sẽ được lặp lại cách mặc nhiên bởi mỗi người Việt nam khi

gửi con sang Tây du học, hoặc có thể nói rộng hơn nữa là bất cứ cha mẹ nào khi gửi con vào các trường Pháp-Việt cũng phải nói thế, nghĩa là tất cả người trong nước muốn cho con đi học. Vì có còn lối tiến thân nào khác đâu, cho nên toàn dân phải mặc nhiên chấp nhận câu nói đó “tùy các ông muốn làm sao thì chúng tôi được nhờ thế”. Ở phương viên Chavassieux gần Bưu Điện Hà Nội người ta có dựng tượng đồng Paul Bert tay dắt một đứa bé Việt nam. Dắt đi đâu? Nói rằng dẫn đến Tự do hoặc dắt đi dạy cho biết văn minh của bình đẳng huynh đệ và tự do. Đúng chẳng hay đó chỉ là Hồn Việt nam bị dẫn đi như trong câu truyện “Lạc hồn”, để sau này sẽ trở lại tác hại đồng bào, đập lên Tổ Tiên.

Tới nay chúng ta đã nhận ra cả rồi. Kể thì vinh thân phì gia, trí thức chửi nhau như họp chợ! Nào trong hai mươi năm trời trí thức phản bội Tổ quốc năm lần, nào tác phong của trí thức là chính trị xô thật, nào là luồn cúi đủ hạng... như chúng ta có thể đọc được đầy rẫy qua các báo. Đây là về phía thế giới tự do, còn bên phía cộng sản thì chúng tôi không sao bỏ được cái ấn tượng hằn sâu vào tâm não dầu chỉ nghe kể truyện là, một cán bộ nó đã dự vào cuộc đấu tố cha của mình cách tích cực và khi người xấu số đã chết gục dưới những cú đánh tới tấp thì anh đến đập xác nạn nhân và đồng dục tuyên bố: tao không còn nhìn nhận mày là cha tao nữa mà chỉ thấy nơi mày một thành phần phú nông cường bá đã bóc lột nhân dân mà thôi... “Hồn hời hồn con cháu Lạc Long”, người ta huấn luyện cho Hồn sao mà tài tình đến thế. Chúng ta thử theo dõi: từ sự đập Bài vị Tổ Tiên, dẫn tới đập lên xác cha, có dẫn tới thế giới thiên đàng với lòng yêu nhân loại không bị tù hãm trong những giới mốc của gia tộc, tổ quốc chẳng? Sở dĩ chúng tôi khó bỏ được ấn tượng bi thương kia vì đó chỉ là hình thức thái thậm của động tác dẫm lên trên tình Dân tộc, giày xéo trên Tổ quốc, nhưng bên dưới còn biết bao hình thức nhẹ hơn mà nếu không có một chuyến đi sâu vào lòng Dân tộc thì khó lòng nhận chân ra được, nên bây giờ chúng ta hãy sang Pháp xem bầu khí đào tạo bên đó ra sao.”

(Trích trong “Hồn Nước với Lễ GiaTiên. Kim Định)

Việt Nhân Sao lục

www.vietnamvanhien.org

